

24-11: THÁNH ANRÊ DŨNG-LẠC VÀ CÁC BẠN TỬ-ĐẠO VIỆT-NAM

I. Theo Gương Thánh Phêrô

Quo vadis, Domine? Lạy Thầy, Thầy đi đâu vậy?



Trên đường chạy trốn cơn bách hại khủng khiếp của bạo chúa Néron đang giáng xuống kinh thành Roma, vị tông đồ trưởng Phêrô đã bàng hoàng thốt lên câu hỏi trên khi bắt gặp Chúa Giêsu vác Thập Giá đi ngược chiều với mình.

Sau đó là khoảng khắc im lặng ... Sự im lặng tưởng chừng như đến muôn đời sẽ không bao giờ có giây phút nào im lặng như thế. Phêrô như đọc thấy câu trả lời trong ánh mắt của Đức Kitô, có một chút gì giống ánh mắt Ngài đã nhìn mình sau ba lần chối Chúa. Và trong bầu khí thinh lặng đó, chợt vọng tới tai ông giọng nói buồn bã nhưng ngọt ngào:

- Vì anh rời bỏ dân Thầy, nên Thầy phải đến Roma để chịu đóng đinh một lần nữa.

Phêrô lặng người đi và chợt hiểu.

Vị sứ đồ đã ra đi để xa lánh cơn điên cuồng của một bạo chúa, vì những lời nài nỉ chí tình của đoàn tín hữu. Họ coi ngài là sức mạnh, là hơi thở, là chỗ dựa. Cần phải sống để tiếp tục mưu ích cho đoàn chiên. Giờ đây, Phêrô được ôn lại bài học vĩ đại nhất của vị Tôn Sư Giêsu, người thợ mộc làng Nagiarét đã chết gục vào tuổi 33 trên Thập Tự để cứu chuộc nhân loại.

Thế là trong cái khoảng khắc kỳ diệu đó, thánh Phêrô chợt nhớ ra. Để rồi thay vì những bước chân rời rã, do dự chạy trốn thì giờ đây ngài bước một cách mạnh mẽ, dứt khoát quay lại... để có thể trở nên giống Thầy mình. Từ đó, trên đá tảng Phêrô, Roma trở nên kinh thành muôn thuở. Đâu có ai thời đó nghĩ ra như thế. Vâng, đâu có ai thời đó đã hiểu được điều ấy.

Sau lần bị bắt thứ ba, cha Anrê Dũng-Lạc như cảm nhận được bài học của thánh Phêrô xưa. Ý nghĩ con người không hẳn đã phù hợp với ý Chúa. Ngài xin tín hữu đừng chuộc ngài nữa, ngài đã chấp nhận hy sinh chính bản thân để trở nên một ngọn đèn, góp lửa với nhiều ngọn đèn khác làm chứng cho Chúa trên quê hương yêu dấu này.

II. Thánh Anrê TRẦN AN DŨNG-LẠC, Linh Mục (1795-1839)

1/ Ba Lần Bị Bắt

Sinh ra trong một gia đình ngoại giáo ở Bắc Ninh năm 1795, Trần An Dũng theo cha mẹ vào Kẻ Chợ, nay là Hà Nội. Tại đây vì nhà nghèo, cậu được gửi gắm cho một thầy giảng nuôi nấng dạy dỗ và rửa tội với tên thánh là Anrê. Ít lâu sau, cậu Dũng xin vào chủng viện Vĩnh Trị, ở với cha chính Lan. Ngay từ đó, cậu Dũng lại siêng năng cần mẫn, có khiếu về thơ phú và giao tiếp với mọi người cách lịch thiệp hòa nhã. Có người nói rằng cậu chỉ đọc qua một đoạn sách hai lần là đã thuộc lòng.

Sau 10 năm làm thầy giảng và 3 năm thần học, ngày 15-3-1823, thầy Dũng được lãnh chức linh mục (cùng với lớp thánh Ngân và Nghi), rồi được bổ nhiệm làm phó xứ Đồng Chuối giúp cha Khiết. Sau đó về giúp cha Thi ba năm ở xứ Đoài, rồi lại giúp cha Thuyết ở Sơn Miêng. Cuối cùng, khi làm chánh xứ Kẻ Đầm thì bị bắt. Suốt cuộc đời linh mục, cha Dũng sống nhiệm nhặt.

Ngoài những ngày ăn chay theo luật của Giáo Hội, cha còn giữ chay suốt Mùa Chay, và nhiều khi cả các ngày thứ sáu, thứ bảy quanh năm. Thường xuyên cha chỉ dùng những thức ăn đơn giản. Cha Dũng hết mình với nhiệm vụ chủ chăn, chẳng khi nào thấy cha ngại ngùng việc gì. Cha có lòng ưu ái đặc biệt với người nghèo. Có được của cải gì, cha chia xẻ cho họ hầu hết.

Khi lệnh bách hại của vua Minh Mạng trở nên gay gắt qua chiếu chỉ toàn quốc ngày 6-1-1833, cha phải ẩn náu tại các nhà bôn đạo, sau trốn lên Kẻ Rôi và lập nhà xứ ở đó. Một hôm, cha dâng lễ vừa xong thì quân lính ập tới, cha liền cởi áo lễ và ngồi lẩn trong tín hữu. Linh bắt cha như một trong 30 giáo hữu hôm đó, vì quan quân không biết cha là linh mục. Ông Tổng Thịn bỏ ra 6 nén bạc, nhận cha là thân nhân đi dự lễ để chuộc về. Từ đấy cha đổi tên là Lạc.

Lần thứ hai cha bị bắt khi đến Kẻ Sông xưng tội với cha Thi theo thói quen hàng tháng. Lý trưởng Pháp bắt được hai linh mục và mặc cả với giáo hữu phải chuộc với giá 200 quan. Các tín hữu gom góp được 100 quan nên viên lý trưởng chỉ tha cha Lạc. Thế nhưng ngay trên đường về, vì gặp mưa gió, thuyền cha phải ghé vào bờ. Căn nhà cha đang trú lại đang bị quân lính khám xét. Thế là cha bị bắt lần thứ ba và bị giải lên huyện Bình Lục cùng với cha Thi.

Một lần nữa, giáo hữu cùng Đức Cha Retord Liêu tìm cách chuộc hai cha về, nhưng lần này cha Lạc thấy ý Chúa đã định cho mình, ngài nhấn về với Đức Cha câu chuyện thánh Phêrô hai lần thoát khỏi ngục, đến lần thứ ba, Chúa Giêsu đã yêu cầu ở lại từ đạo tại Roma, và xin các tín hữu đừng lo liệu tiền chuộc làm chi nữa.

2/ Được Cảm Tình Mọi Giới

Quan huyện Bình Lục đối xử với hai vị linh mục một cách tử tế. Ông truyền dọn cơm cho hai cha bằng mâm bát của mình, bắt lý trưởng trả lại quần áo đã tịch thu và thanh minh rằng: "Phép triều đình cấm đạo và giết các cụ, chứ không phải tôi. Tôi không có tội gì trong việc này". Ba ngày sau, quan huyện đưa hai cha xuống thuyền chuyển về Hà Nội. Các tín hữu thương tiếc đi theo rất đông, hoặc bằng thuyền, hoặc đi bộ trên bờ. Quan lấy làm lạ hỏi: "Đạo trưởng có cái gì mà dân chúng thương tiếc quá vậy?" Một phụ nữ gần đó đáp lại: "Thưa quan, các cha dạy chúng tôi những điều hay lẽ phải, dạy chồng hiền lành, đừng cờ bạc rượu chè, dạy vợ sống thuận thảo với chồng theo như giáo lý trong đạo".

Hai vị linh mục khi thấy nhiều người khóc lóc tiễn đưa mình, đã dừng lại an ủi và khích lệ họ sống đạo cho tốt đẹp.

Tại Hà Nội, sau mấy lần tra hỏi, và dọa nạt hai vị chứng nhân Đức Kitô không thành công, các quan làm án xin vua xử trảm.

Thời gian trong tù, hai cha chiêm được tình cảm của lính gác, được tôn trọng và đối xử tử tế. Khi nhận được quà tiếp tế, hai cha chia cho lính canh, chỉ giữ lại những thứ tối thiểu. Mỗi buổi sáng và mỗi buổi tối, hai cha quỳ bên nhau cầu nguyện lâu giờ. Tuy các tín hữu xin được phép đưa cơm vào tù mỗi ngày, hai cha vẫn tìm cách hãm mình dặn họ đừng mang thịt hay cá làm chi, các ngài vẫn tiếp tục giữ chay ngày thứ hai, thứ tư, thứ sáu và thứ bảy. Những ngày đó, hai cha ăn thật ít, vừa đủ.

Lễ Các Thánh (1-11-1839), linh mục Trần đưa Minh Thánh Chúa vào ngục. Vừa thấy ngài, cha Lạc đã ra chào đón: "Xin chào bác, tôi đợi bác đã lâu vì hết lương thực rồi". Sau đó, cha cung kính rước lễ, và trao Minh Thánh cho cha già Thi.

Cuối năm 1839, khi quân lính đến công bố lệnh xử án, hai cha vui vẻ đón nhận bản án như một phần thưởng trọng hậu. Trên đường đến pháp trường, hai cha yên lặng cầu nguyện. Lúc ra khỏi cổng thành, cha Lạc chấp tay lại, hát lớn tiếng mấy câu La tinh chúc tụng Chúa. Trước phút hành quyết, người lý hình đến nói với cha: "Chúng tôi không biết các thầy tội gì, chúng tôi chỉ làm theo lệnh trên, xin các thầy đừng chấp".

Cha Lạc tươi cười trả lời: "Quan đã truyền anh cứ thi hành". Sau đó, hai cha xin ít phút để cầu nguyện lần chót, rồi nghiêng đầu cho lý hình chém.

Hai vị đã lãnh phúc tử đạo ngày **21-12-1839** tại bãi ngoài cửa ô Cầu Giấy (Hà Nội), giáp đường lên tỉnh Sơn Tây. Thi hài của cha Lạc được đưa về an táng tại nhà bà Lý Quý gần đó.

Nhớ đến thánh Dũng-Lạc, phải nhớ đến những vần thơ ngài tâm sự trong thư viết trong ngục cho cha Thực rằng:

*Lạc rầy đã rõ chốn quân quan
Bút chép thơ này gởi tỏ than
Lòng nhớ bạn, nỗi còn vất vả
Dạ thương khách, chạy chữa yên hàn,
Đông qua tiết lại thì xuân tới
Khổ trăm mai sau hưởng phúc an
Làm kẻ anh hùng chỉ quản khó
Nguyện xin cùng gặp chốn thiên đàng.*

Đức Giáo Hoàng Lêô XIII (1878-1903) suy tôn cha Anrê Trần An Dũng-Lạc lên bậc Chân Phước ngày 27-5-1900.

Chúa Nhật 19-6-1988, trong bối cảnh Năm Thánh Mẫu, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II (1978-2005) đã long trọng nâng Cha Anrê Trần An Dũng-Lạc và 116 Bạn Tử-Đạo Việt-Nam lên hàng hiền thánh. Thánh Lễ diễn ra tại quảng trường Thánh Phêrô. Trong sách nhỏ - phân phát vào dịp này - ghi như sau:

LỄ TRỌNG

Do Đức Thánh Cha GIOAN PHAOLÔ II

chủ sự để tôn phong lên bậc Hiền-Thánh

Các Chân Phước

ANRÊ DŨNG-LẠC, Linh-mục

TÔMA THIỆN và EMMANUELE PHỤNG,

Giáo-dân

GIRÔLAMÔ HERMOSILLA

và VALENTINÔ BERRIÔ-OCHOA,

hai Giám-mục OP

và 6 Giám-mục khác

TÊÔPHAN VÉNARD,

Linh-mục Hội Thừa-sai Paris và 105 Bận Tử-Đạo Việt-Nam

*Quảng-trường Thánh Phêrô, Vaticanô
19-6-1988*

III. GIÁO HỘI VIỆT-NAM QUA CÁC THỜI ĐẠI

Công cuộc rao giảng Tin Mừng, khởi sự vào đầu thế kỷ thứ 16 tại hai địa phận đầu tiên ở miền Bắc (**Đàng Ngoài**) và miền Nam (**Đàng Trong**) được thiết lập vào năm 1659, qua các thế kỷ, đã biểu lộ sức phát triển lạ lùng, nhờ đó ngày nay có được 26 địa phận (10 ở miền Bắc và 15 ở miền Nam). Hàng Giáo Phẩm đã được thành lập (ngày 24 tháng 11 năm 1960), và trong toàn lãnh thổ Việt-Nam hiện nay có tới 6 triệu người Công Giáo.

Kết quả này có được là nhờ hạt giống đức tin, ngay từ những năm đầu tiên, đã hòa trộn với máu đào lai láng của các vị tử đạo đổ xuống trên mảnh đất Việt-Nam, của các giáo sĩ ngoại quốc, giáo sĩ bản xứ và của giáo dân Việt-Nam. Tất cả đã cùng chấp nhận những lao nhọc do việc tông đồ, đồng thời đã cùng sát cánh đương đầu với cái chết để làm chứng cho chân lý Phúc Âm. Lịch sử Giáo hội Việt-Nam đã ghi nhận 53 sắc lệnh do các Chúa Trịnh và Nguyễn, hay do các Vua hạ bút ký, trong hơn hai thế kỷ, và suốt 261 năm (1625-1886), ra chỉ thị chống lại người Kitô giáo bằng những cuộc bách hại gắt gao cứ mỗi lần thêm dữ dội. ***Có tới khoảng 130.000 người đã ngã gục khắp nơi trong lãnh thổ Việt-Nam.***

Người ta có thể nói rằng trong các thế kỷ trước đây những vị chết vì Đức tin này đã bị chôn vùi một cách lặng lẽ như là cùng nằm trong một "Ngôi mộ của chiến sĩ vô danh"; tuy nhiên niềm thương nhớ các Ngài vẫn còn sống động trong lòng người Việt-Nam.

Từ đầu thế kỷ 20, có 117 vị trong số các anh hùng trên đây, là những người được coi là đã chịu đựng các thử thách lớn lao hơn, đã được chọn và được Tòa Thánh tôn lên bậc Chân Phước:

- Năm 1900 thời Đức Giáo Hoàng Lêô XIII: 64 vị
- Năm 1906 thời thánh Giáo Hoàng Piô X: 8 vị
- Năm 1909 thời thánh Giáo Hoàng Piô X: 20 vị
- Năm 1951 thời Đức Giáo Hoàng Piô XII: 25 vị

Các vị này được xếp theo các quốc gia như sau:

- * 11 vị người Tây-Ban-Nha: tất cả thuộc dòng thánh Đaminh. Gồm 6 giám mục và 5 linh mục.
- * 10 vị người Pháp: tất cả thuộc Hội Thừa Sai Paris. Gồm 2 Giám Mục và 8 linh mục.
- * 96 vị là người Việt-Nam: Gồm 36 linh mục (trong số đó có 11 linh mục dòng thánh Đaminh), và 59 tín hữu (trong đó có một chủng sinh, 16 thầy giảng và một phụ nữ).

Các vị này là "những người đến từ con thử thách lớn lao: họ đã giặt áo của họ và giữ sạch trong trắng trong máu Con Chiên" (Khải Huyền 7,13-14). *Cuộc tử đạo của các Ngài được xếp theo niên biểu sau đây:*

- 2 vị tử đạo dưới thời Chúa Trịnh-Doanh (1740-1767)
- 2 vị tử đạo dưới thời Chúa Trịnh-Sâm (1767-1782)
- 2 vị tử đạo dưới thời Vua Cảnh-Thịnh (1792-1802)
- 58 vị tử đạo dưới thời Vua Minh-Mạng (1820-1840)
- 3 vị tử đạo dưới thời vua Thiệu-Trị (1840-1847)
- 50 vị tử đạo dưới thời Vua Tự-Đức (1847-1883).

Tại pháp trường án lệnh của nhà vua đặt bên mỗi vị, có ghi rõ hình thức mỗi bản án như sau:

- * 75 vị bị xử chém đầu;
- * 22 vị bị xử bằng thùng thối cổ;
- * 6 vị bị thiêu sống;
- * 5 vị bị phân thân từng mảnh;
- * 9 vị bị tra tấn và chết rũ tù.

... KINH CÁC THÁNH TỬ ĐẠO VIỆT NAM

**Lạy Chúa là CHA Chí Nhân,
chúng con hân hoan ghi nhớ các ân huệ
Chúa đã ban cho dân tộc Việt Nam.**

Nhờ lời rao giảng của Giáo Hội
Cha Ông chúng con đã đón nhận Tin Mừng cứu rỗi.
Các Ngài đã vững tin vào Chúa,
là Đấng tạo thành trời đất,
và Chúa Kitô Đấng Cứu Thế được sai đến trần gian.

Trong cơn gian lao thử thách,
Chúa đã ban cho Các Ngài sức mạnh của Thánh Linh
để Các Ngài can đảm tuyên xưng Đức Tin,
và hiến ngang hy sinh mạng sống,
để làm vinh quang Thập Giá Chúa Kitô.

Các Thánh Tử Đạo là ân huệ
Chúa đã ban cho Giáo Hội Việt Nam.
Vì thế chúng con dâng lời cảm tạ và ca tụng Chúa,
hợp với cuộc hy sinh tử đạo
của các tiền nhân anh dũng chúng con.

Xin dâng lên Chúa lời cảm tạ,
để biểu lộ tình con thảo với Chúa là CHA,
bằng chứng từ đức tin sống động của chúng con.

Vì công nghiệp của Các Thánh Tử Đạo
xin ban cho dân Việt Nam chúng con,
được an vui và thịnh vượng,
cho mọi người đón nhận Tin Mừng cứu rỗi,
và bước theo con đường chân lý.

Xin cho Giáo Hội Việt Nam,
được sống trong hòa thuận và hiệp nhất,
luôn thông hảo trọn vẹn với Đấng kế vị Thánh Phêrô,
và hăng say lo việc tông đồ,
nhiệt thành rao giảng Đức Kitô cho mọi người.

Xin cho chúng con
được trung thành với Chúa ở trần gian
để ngày sau về hưởng vinh quang bất diệt
cùng Các Thánh Tử Đạo chúng con ở trên trời. Amen.

(THIỆN HÙNG SỬ 117 Hiến Thánh Tử Đạo Việt Nam (Uống Nước Nhớ Nguồn), Cộng Đồng Công Giáo Việt Nam, San Jose, California, Hoa Kỳ, Tái bản lần thứ nhất: Xuân Tân Mùi 1991, trang 503-506 /// Domenica 19 Giugno 1988 - Piazza San Pietro, Anno Mariano, Tipografia Poliglotta Vaticana, trang 106-110).

Sr. Jean Berchmans Minh Nguyệt